

UBND TỈNH BÌNH THUẬN  
CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 364/CTLN

Bình Thuận, ngày 14 tháng 6 năm 2024

Về việc báo cáo nội dung công bố công khai thông tin của doanh nghiệp theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.

Kính gửi : Sở Tài chính Bình Thuận.

Thực hiện theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận báo cáo công bố công khai thông tin của doanh nghiệp theo các biểu tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, cụ thể:

**1/ Nội dung công bố thông tin:**

1.1/ Biểu số 3: báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

1.2/ Biểu số 4: báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có) năm 2023.

1.3/ Biểu số 6: báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2023.

**2/ Hình thức công bố thông tin:**

Công ty đã thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử <http://www.lamnghiepbinhthuan.com>.

Công TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận báo cáo Sở Tài chính xem xét tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Phòng KD-MKT, TC-HC, TC-KT;
- Lưu VT, CT Cty.



Lê Ngọc Cường



**PHỤ LỤC II**

**Biểu số 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo công văn số 364./CTLN ngày ..14./6/2024

của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận)

  
**CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN  
MST: 3401121487**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Ha	1.500	1.500	100%
1.1	Giao khoán bảo vệ rừng theo NQ04	Ha	1.500	1.500	100%
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Triệu đồng	562,5	562,5	100%
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Triệu đồng	562,5	562,5	100%

Theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận, về việc phân khai kinh phí khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 tại địa bàn xã Sông Phan do Công ty quản lý với diện tích 1500 ha, kinh phí là 450.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận, về việc phân khai kinh phí khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số lần 2 năm 2023, kinh phí là: 151.020.000. Trong đó:

1. Chi phí lập hồ sơ GKBVR: 81.000.000 đồng

2. Kinh phí quản lý, nghiệm thu, kiểm tra (7%): Theo quyết định phân khai là **34.020.000 đồng**. Tuy nhiên Công ty rút dự toán theo diện tích được duyệt là 1.500 ha x 300.000 đ/ha x 7% = **31.500.000 đồng**

3. Kinh phí Giao khoán BVR cho 4 hộ bổ sung: 36.000.000 đồng. Tuy nhiên, kinh phí này không thực hiện trong năm 2023.

## **II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP**

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường: Thực hiện tốt. Việc trồng rừng vừa đem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, vừa góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, giữ đất chống xói mòn, giữ nước ngầm góp phần làm giảm bớt lũ lụt, khô hạn.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội: Trong năm 2023 Công ty đã đóng góp cho công tác xã hội, từ thiện: 234.961.309 đồng, trong đó:

- Quỹ Khuyến học: 33.000.000 đồng;
- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa: 37.080.000 đồng;
- Quỹ phòng chống thiên tai: 38.281.309 đồng;
- Phụng dưỡng Mẹ VNAH, GĐCS: 16.400.000 đồng;
- Xây dựng nhà tình thương: 25.000.000 đồng.
- Ủng hộ xây dựng nông thôn mới: 7.000.000 đồng
- Hỗ trợ làm đường thôn Cô Kiều: 20.000.000 đồng
- Ủng hộ tổ chức đêm hội trăng rằm tại Hàm Thuận Nam: 26.000.000 đồng;
- Các hoạt động từ thiện, xã hội khác: 32.200.000 đồng.

3. Trách nhiệm với nhà cung cấp: Thực hiện tốt

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng: Thực hiện tốt

5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp: Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động:

- Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi cho CBCNV và người lao động: Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên.

- Tiếp tục thực hiện chính sách mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV có thời gian công tác từ 10 năm trở lên và cán bộ chủ chốt trong toàn Công ty.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ cho người lao động: Tạo điều kiện tốt cho CBCNV tham gia học tập các lớp ngắn và dài hạn, thường xuyên cử CBCNV đi học, tập huấn các lớp do Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức, cử CBCNV đi học lớp Trung cấp lý luận chính trị, hỗ trợ cán bộ học lớp cao học.
- Thực hiện tốt các chính sách cho người lao động như: đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm cho người lao động, chăm lo tốt cho con của CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu,...
- Các đoàn thể thường xuyên tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, ... tạo sân chơi bổ ích, thu hút đông đảo CBCNV tham gia.



## PHỤ LỤC II

### Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo công văn số 364./CTLN ngày 14/6/2024 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận)

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**MST: 3401121487**      **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

#### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

**Kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty năm 2023.**

- Vốn chủ sở hữu: 116.612.607.970 đồng / 115.472.276.019 đồng, đạt 100,98 % kế hoạch.

- Sản phẩm chủ yếu:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023
Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
- Sản phẩm mộc	SP	878
- Trồng rừng	ha	1.109,98
- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	ha	1.022,13

- Doanh thu: thực hiện 69,565 tỷ đồng/ kế hoạch 63,01 tỷ đồng đạt 110,4% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: thực hiện 5,296 tỷ đồng / kế hoạch 4,413 tỷ đồng, đạt 120% kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế: thực hiện 4,229 tỷ đồng / kế hoạch 3,530 tỷ đồng, đạt 119,8% kế hoạch.

- Nộp ngân sách: thực hiện 4,593 tỷ đồng / kế hoạch 4,100 tỷ đồng đạt 112% kế hoạch.

2/ Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

##### a) Khó khăn:

- Trong năm 2023, tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nền kinh tế thế giới nói chung và Việt nam nói riêng, đối với công ty phần nào cũng bị ảnh hưởng đến việc tiêu thụ gỗ rừng trồng.

- Mặt khác, thị trường tiêu thụ sản phẩm mộc Công ty cạnh tranh gay gắt bởi các dòng sản phẩm giá rẻ, các sản phẩm thay thế khác làm sức mua sản phẩm mộc Công ty sụt giảm sâu.

- Tình trạng lấn chiếm đất trái phép, phá rừng trái pháp luật thuộc lâm phận quản lý Công ty cũng còn diễn biến phức tạp, các vụ việc xử lý kéo dài làm ảnh hưởng đến nhân lực, vật lực của công ty.

- Công tác cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa hoàn thành làm ảnh hưởng đến công tác quản lý đất đai nói chung của Công ty.

**b) Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của UBND Tỉnh và sự hỗ trợ tích cực trong lĩnh vực chuyên môn của các Sở ngành liên quan cùng với sự giao lưu, quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong Khô, Cùm; phần nào tháo gỡ cơ chế theo qui định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi giúp công ty chủ động trong việc triển khai kế hoạch được.

- Bên cạnh đó, chính sách giảm thuế của nhà nước giảm 30% tiền thuê đất giúp công ty giảm áp lực tài chính.

- Nội bộ công ty đoàn kết, chung sức, chung lòng từ Ban lãnh đạo Công ty đến toàn CB-CNV để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được Chủ sở hữu giao. Cố gắng phấn đấu mục tiêu xây dựng phát triển Công ty thành đơn vị kinh doanh rừng trồng dẫn đầu trong Tỉnh.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP .**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	ha	1.019,25	1.022,13	
b)	Sản phẩm mộc	Sản phẩm	3.400	878	
c)	Trồng rừng	ha	980,20	1.109,98	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	63,013	69,565	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,413	5,296	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,530	4,229	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	4,100	4,593	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			



7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	192	188	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	18,869	21,535	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,804	2,165	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	17,065	19,370	

**Lưu ý:**

(\*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

**II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN: không có.**

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Công ty không có đầu tư dự án nhóm B trở lên.

**BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia						
	Dự án nhóm A						
	Dự án nhóm B						

2. Các khoản đầu tư tài chính.

**III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: không có.**

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

Công ty không có đầu bên ngoài.

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
<b>1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>										
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
<b>2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>										
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

**PHỤ LỤC II**

**Biểu số 6: BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo công văn số 364./CTLN ngày 14/6/2024

của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận)



**CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN**

**MSDN: 3401121487**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

**1. Thông tin chung.**

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu: UBND tỉnh Bình Thuận
- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- 2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.**

Thống kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

**BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	61/QĐ-UBND	09/01/2023	Quyết định v/v phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2021
2	410/QĐ-UBND	07/3/2023	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch công tác năm 2023 của Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận
3	592/QĐ-UBND	31/3/2023	Quyết định v/v thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong thực hiện công tác giao khoán đất lâm nghiệp của Công ty

4	810/QĐ-UBND	27/4/2023	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch giám sát tài chính năm 2023
5	1438/QĐ-UBND	24/7/2023	Quyết định v/v phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2022
6	1678/QĐ-UBND	16/8/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát công ty
7	1793/QĐ-UBND	28/8/2023	Quyết định v/v phân khai kinh phí khoán bảo vệ rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số Đợt 1 năm 2023
8	1904/QĐ-UBND	07/9/2023	Quyết định v/v ban hành danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào lưu trữ lịch sử tỉnh Bình Thuận
9	2392/QĐ-UBND	13/11/2023	Quyết định v/v thu hồi và cho Công ty CP nông nghiệp CVC Bình Thuận thuê đất đầu tư dự án trồng cây ăn quả có múi tưng dụng CN cao tại xã Bình An, huyện Bắc Bình.
10	2522/QĐ-UBND	01/12/2023	Quyết định v/v phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của người lao động và viên chức quản lý công ty
11	2540/QĐ-UBND	05/12/2023	Quyết định v/v phân khai kinh phí khoán bảo vệ rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số Đợt 2 năm 2023
12	2526/QĐ-UBND	01/12/2023	Quyết định v/v cử kiêm nhiệm kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sông Dinh

## II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

### 1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: Liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

**BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
1	Lê Ngọc Cường	05/01/1966	Đại học Lâm nghiệp	34 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch công ty.</li> <li>- Chủ tịch kiêm Giám đốc.</li> <li>- Phó tổng giám đốc.</li> <li>- Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.</li> <li>- Phó trưởng phòng Kỹ thuật.</li> <li>- Kiểm soát viên chuyên trách kiêm Trưởng ban Kiểm soát công ty.</li> <li>- Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh công ty.</li> <li>- Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kế hoạch – Kinh doanh công ty.</li> <li>- Phó trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh công ty.</li> <li>- Nhân viên Kinh doanh công ty.</li> </ul>
2	Đoàn Văn Châu	01/12/1965	Đại học Kinh tế	16 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng giám đốc công ty.</li> <li>- Phó tổng giám đốc phụ trách Công ty.</li> <li>- Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc XNCBG Phan Thiết.</li> <li>- Phó trưởng phòng TCHC công ty.</li> <li>- Giám đốc XNLN Bắc Bình.</li> <li>- Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật công ty</li> <li>- Phó giám đốc XN lâm nông công nghiệp Bắc Bình</li> </ul>
3	Nguyễn Văn Hà	12/5/1972	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	25 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó tổng giám đốc công ty.</li> <li>- Giám đốc Xí nghiệp lâm nghiệp Hàm Thuận Nam.</li> </ul>
4	Cao Văn Nhân	13/04/1968	Đại học Kinh tế	27 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó tổng giám đốc công ty.</li> <li>- Giám đốc Xí nghiệp lâm nghiệp Hàm Thuận Nam.</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó giám đốc phụ trách Xí nghiệp lâm nghiệp Hàm Thuận Nam.</li> <li>- Phó giám đốc Xí nghiệp lâm nghiệp Hàm Thuận Nam.</li> <li>- Phó giám đốc Lâm trường Hàm Thuận Nam I.</li> <li>- Phó giám đốc Xí nghiệp Nông – Lâm nghiệp Ba Bàu.</li> <li>- Trạm phó Trạm trông rừng Ba Bàu.</li> <li>- Cán bộ kỹ thuật trông rừng.</li> </ul>
5	Phạm Minh Tài	01/11/1983	Đại học Tài chính ngân hàng	23 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán công ty.</li> <li>- Phụ trách Kế toán kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán công ty.</li> <li>- Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán công ty.</li> </ul>

## 2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của người lao động, người quản lý, kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận.

### BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP.

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương bình quân/tháng	Hệ số	Tiền lương/năm	Tiền thưởng thu nhập khác
1	Lê Ngọc Cường	Chủ tịch	29.850.120	7,30	358.201.440	34.215.108
2	Nguyễn Văn Hà	Tổng giám đốc	28.744.560	6,64	344.934.720	33.160.104
3	Nguyễn Hoàng Cần	Phó TGD	25.427.880	6,31	305.134.560	22.885.092
4	Trần Công Chí	Phó TGD	25.427.880	6,31	305.134.560	30.335.092
5	Cao Văn Nhân	Phó TGD	25.427.880	5,98	254.278.800	25.250.910
6	Phạm Minh Tài	Kế toán trưởng	23.216.760	5,65	278.601.120	28.275.084

### 3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4.

#### **BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY**

<b>TT</b>	<b>Số văn bản</b>	<b>Ngày</b>	<b>Người ký, ban hành</b>	<b>Nội dung</b> <i>(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)</i>
1	03/QĐ-CTLN	05/01/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình thấp cạnh lựa tại Trạm Lâm nghiệp Tháng Hải
2	35/QĐ-CTLN	06/02/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác sản phẩm rừng trồng Keo lai năm 2016 tại TK 144A – Xã Sông Lũy, Bắc Bình
3	41/QĐ-CTLN	07/02/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023
4	48/QĐ-CT.CTLN	14/02/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 57,03ha BĐTSC năm 2019 tại XNLN Hàm Thuận Nam
5	49/QĐ-CT.CTLN	14/02/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 64,98ha BĐTSC năm 2017 2018 tại XNLN Bắc Bình Thuận
6	79/QĐ-CT.CTLN	28/02/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v bổ nhiệm cán bộ Cao Văn Nhân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty
7	82/QĐ-CT.CTLN	28/02/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 72,34ha Keo lai năm 2017 tại XNLN Hàm Tân

8	89/QĐ-CT.CTLN	02/03/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty
9	119/QĐ-CTLN	21/03/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác sản phẩm rừng trồng HTDT BDTSC 2018, 2019 TK 274 tại XNLN Hàm Thuận Nam
10	144/QĐ-CTLN	07/04/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác sản phẩm rừng trồng BDTSC năm 2019 tại XNLN Hàm Thuận Nam
11	154/QĐ-CT.CTLN	17/04/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 64,98ha BD 2017, 2018 BDTSC 2017, 2018 tại XNLN Bắc Bình Thuận
12	155/QĐ-CT.CTLN	17/04/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 72,34ha Keo lai 2017 tại XNLN Hàm Tân
13	171a/QĐ-CTLN	21/04/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác sản phẩm rừng trồng Keo lai 2017 tại TK 288, TK 296A tại XNLN Hàm Thuận Nam
14	194a/QĐ-CTLN	04/05/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác sản phẩm rừng trồng Keo lai 2017, BD TSC 2017 tại XNLN Hàm Tân
15	203/QĐ-CTLN	08/05/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v thành lập hội đồng xử lý công nợ Công ty
16	242/QĐ-CTLN	24/05/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác sản phẩm rừng trồng BD 2017, 2018; BDTSC 2017, 2018 tại XNLN Bắc Bình Thuận
17	243/QĐ-CTLN	24/05/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác sản phẩm rừng trồng Keo lai 2017 tại TK 398, 409C, 415, 416 XNLN Hàm Tân
18	644/QĐ-CT.CTLN	08/06/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v bổ sung thành viên Hội đồng xét duyệt kinh tế, kỹ thuật theo Quyết định số 510/QĐ-CT.CTLN



					ngày 09/8/2022 của Chủ tịch Công ty
19	645/QĐ-CT.CTLN	08/06/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v bổ sung thành viên Hội đồng định giá, thanh lý rừng trồng và tài sản khác theo Quyết định số 511/QĐ-CT.CTLN ngày 09/8/2022 của Chủ tịch Công ty	
20	657/QĐ-CT.CTLN	13/06/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v chỉ định thầu đơn vị dịch vụ tư vấn thẩm định giá rừng trồng	
21	671/QĐ-CTLN	20/06/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà công vụ Công ty	
22	706/QĐ-CTLN	05/07/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v thanh lý rừng trồng BĐTSC 2021 tại Sông Lũy, XNLN Bắc Bình Thuận	
23	717/QĐ-CT.CTLN	07/07/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 31ha Keo lai 2017 tại XNLN Bắc Bình Thuận	
24	758/QĐ-CT.CTLN	26/07/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng BD2019, BD TSC 2018, 2019 DT 96,8ha tại XNLN Hàm Thuận Nam	
25	792/QĐ-CT.CTLN	07/08/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng chuyên xếp lương, nâng bậc lương của Công ty	
26	794/QĐ-CTLN	07/08/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác gỗ rừng trồng Keo lai 2017 tại TK 144A, 144B XNLN Bắc Bình Thuận	
27	795/QĐ-CTLN	07/08/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v thành lập lại BCD thực hiện chứng chỉ rừng FM/Coc Công ty	
28	800/QĐ-CTLN	09/08/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v chỉ định thầu đơn vị tư vấn thẩm tra thiết	

					kế dự toán xây dựng công trình nhà công vụ công ty
29	896/QĐ-CTLN	13/09/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác gỗ rừng trồng BD 2019, BDTSC2018, 2019 tại TK 286, 384 XNLN Hàm Thuận Nam	
30	913/QĐ-CT.CTLN	18/09/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v chỉ định thầu đơn vị DVTV thẩm định giá rừng trồng 77,66ha	
31	913/QĐ-CT.CTLN	20/09/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 77,66ha Keo lai 2018, BD 2018 tại XNLN Hàm Tân	
32	957/QĐ-CTLN	06/10/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định điều chỉnh Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư công trình xây dựng nhà công vụ	
33	969/QĐ-CT.CTLN	12/10/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v chỉ định thầu đơn vị DVTV thẩm định giá rừng trồng 65,6ha	
34	1041/QĐ-CT.CTLN	07/11/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 111,67ha BD2019, BDTCS 2018, 2019 tại XNLN Hàm Thuận Nam	
35	1066/QĐ-CT.CTLN	15/11/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v chỉ định thầu đơn vị DVTV thẩm định giá rừng trồng 68,11ha	
36	1074/QĐ-CT.CTLN	20/11/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 66,57ha BDTSC 2018, 2019 tại XNLN Hàm Thuận Nam	
37	1220/QĐ-CT.CTLN	06/12/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v phê duyệt lại giá khởi điểm lô gỗ rừng trồng DT 65,6ha Keo lai 2018 tại XNLN Hàm Tân	

38	1356/QĐ-CTLN	15/12/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác 111,67ha gỗ rừng trồng BĐ 2019, BĐTSC 2018, 2019 tại TK 274, 267, 280A, 284, 285, 286 XNLN Hàm Thuận Nam
39	1363/QĐ-CTLN	18/12/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác 68,11ha gỗ rừng trồng BĐTSC 2018, 2019 tại TK 274 XNLN Hàm Thuận Nam
40	1372/QĐ-CTLN	27/12/2023	Chủ tịch công ty	Quyết định v/v khai thác 65,6ha gỗ rừng trồng Keo lai 2018 tại TK 399, 400 do XNLN Hàm Tân quản lý

### III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

#### BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đoàn Văn Châu	01/12/1965	Đại học Kinh tế	Kiểm soát viên chuyên trách kiêm Trưởng ban kiểm soát công ty	14/01/2022	

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung <i>(nếu tóm tắt nội dung chính của văn bản)</i>
1	44/CTLN-KSV	07/02/2023	Trưởng ban kiểm soát công ty	Kế hoạch công tác năm 2023 của Ban kiểm soát công ty

2	85/CTLN-KSV	28/02/2023	Trưởng ban kiểm soát công ty	Đề nghị phê duyệt lại Quy chế Kiểm soát viên
3	635/BC-KSV	06/06/2023	Trưởng ban kiểm soát công ty	Báo cáo thẩm định quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của người lao động và tiền lương, thù lao của viên chức quản lý Công ty
4	701/CTLN-KSV	04/07/2023	Trưởng ban kiểm soát công ty	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty
5	918/CTLN-KSV	20/09/2023	Trưởng ban kiểm soát công ty	V/v rà soát hoạt động và xử lý một số công việc liên quan tại XNLTN Hàm Thuận Nam
6	919/CTLN-KSV	20/09/2023	Trưởng ban kiểm soát công ty	V/v rà soát và xử lý một số công việc để ổn định sản xuất
7	920/CTLN-KSV	20/09/2023	Trưởng ban kiểm soát công ty	V/v đề nghị xử lý các nội dung theo yêu cầu tại kết luận Thanh tra thuế
8	953/CTLN-KSV	06/10/2023	Trưởng ban kiểm soát công ty	Báo cáo thẩm định kế hoạch tài chính năm 2024 của Công ty

#### **IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA (nếu có)**

1. Văn bản số 5871/KL-CTBTH ngày 07/8/2023 của Cục thuế tỉnh Bình Thuận Kết luận về việc thanh tra thuế.
2. Văn bản số 328/KL-STC ngày 26/4/2023 của Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận về công tác quản lý, sử dụng vốn của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận.

#### **V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp. Không có

#### **BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan. Không có

**BẢNG SỐ 7: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

*Giải thích:*

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

## **VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

- Tổng số lao động của doanh nghiệp (người): tính đến ngày 31/12/2023 là 185 người (trong đó 06 người quản lý doanh nghiệp và 01 người là Trưởng ban kiểm soát)
- Mức lương trung bình người lao động/năm: 107,019 triệu đồng
- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động/người/năm: 19,245 triệu đồng